

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 96/2005/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt bản Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ Hội Tin học Việt Nam đã được Đại hội thứ V ngày 10 tháng 11 năm 2002 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Quốc Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
HỘI TIN HỌC VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/2005/QĐ-BNV
ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ Nội vụ)*

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

Hội lấy tên là Hội Tin học Việt Nam.
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Vietnam Association for Information Processing, tên viết tắt là VAIP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức tự nguyện của các cá nhân, tập thể hoạt động nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin - Truyền thông (sau đây viết tắt là CNTT-TT) và những người quan tâm đóng góp hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển CNTT-TT của Việt Nam.

2. Mục đích của Hội là tập hợp lực lượng để góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng và phát triển CNTT-TT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Hội Tin học Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính.

2. Hội Tin học Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, tuân thủ theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và là hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

3. Hội có trụ sở tại Hà Nội và có thể thành lập văn phòng đại diện tại một số địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài sản, tài chính và cơ quan ngôn luận riêng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu của Hội

1. Động viên tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của hội viên nhằm thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT-TT; sử dụng hiệu quả những thành tựu của CNTT-TT phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; đồng thời giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên trong hoạt động CNTT-TT.
2. Tổ chức và giúp đỡ hội viên trong các hoạt động liên kết kinh tế - khoa học và ứng dụng CNTT-TT, các loại hình sản xuất, dịch vụ CNTT-TT qua đó góp phần tạo thêm việc làm cho hội viên.
3. Tạo điều kiện cho hội viên nâng cao trình độ nghiệp vụ bằng nhiều hình thức khác nhau (như mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật về CNTT-TT, cấp học bổng tu nghiệp, tổ chức tham quan khảo sát ở trong nước và nước ngoài, trao tặng các giải thưởng CNTT-TT). Tạo điều kiện cho mọi đối tượng công tác, học tập, nghiên cứu và ứng dụng CNTT-TT trong mọi lĩnh vực kinh tế, sản xuất và đời sống.
4. Xuất bản ấn phẩm các loại về CNTT - TT theo quy định của pháp luật. Tổ chức thông tin khoa học kỹ thuật về CNTT-TT. Phổ biến rộng rãi kiến thức cơ bản, thành tựu mới, công trình nghiên cứu và sáng chế, phát minh trong nghiên cứu và ứng dụng CNTT-TT cho hội viên và mọi người dân.
5. Liên hệ với các hội và các tổ chức CNTT-TT ở nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác quốc tế về CNTT-TT, tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT ở các nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật. Tập hợp, khuyến khích và động viên người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về CNTT-TT ở trong nước.
6. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức quần chúng khác để kiến nghị, đề xuất về chính sách phát triển và ứng dụng CNTT-TT; về phương hướng, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện; về nội dung và chương trình giảng dạy CNTT-TT ở các cấp học; giới thiệu những hội viên có năng lực vào các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng CNTT-TT của Nhà nước.
7. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT-TT của Nhà nước và xã hội.
8. Tích cực tham gia các hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên

1. Hội viên cá nhân. Hội viên của các Hội Tin học thành viên đương nhiên là hội viên của Hội Tin học Việt Nam.

Ngoài ra, mọi công dân Việt Nam nếu tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam đang hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT, nhiệt tình ủng hộ và tham gia nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và ứng dụng CNTT-TT, tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội, đều có thể gia nhập Hội thông qua các Chi hội của Hội Tin học Việt Nam.

Mọi hội viên cá nhân của Hội Tin học Việt Nam phải sinh hoạt tại một trong các tổ chức của Hội như Hội Tin học thành viên hoặc Chi hội.

2. Hội viên tập thể. Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT, có tư cách pháp nhân, có quy mô hoạt động liên tỉnh hoặc toàn quốc, tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ Hội, có thể xin gia nhập Hội.

Việc công nhận Hội viên tập thể do Ban Thường vụ xem xét quyết định.

Điều 6. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên cá nhân.

a) Tham gia mọi sinh hoạt của Hội, thảo luận và biểu quyết mọi mặt công tác của Hội, bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành các cấp của Hội.

b) Kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ CNTT-TT. Được Hội tạo điều kiện đưa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng CNTT-TT, các sáng chế, phát minh vào sản xuất và đời

sống. Ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong các tạp chí, ấn phẩm của Hội.

c) Được cung cấp thông tin thường xuyên về các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNTT-TT, tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi với những người làm CNTT-TT ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng về CNTT-TT.

d) Được cấp thẻ "Hội viên Hội Tin học Việt Nam" hoặc thẻ của Hội Tin học thành viên và sử dụng thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và hoạt động của Hội. Thẻ của hội viên các Chi hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội cấp; thẻ của hội viên Hội Tin học thành viên do Ban Chấp hành Hội Tin học thành viên cấp.

e) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng.

f) Được xin ra khỏi Hội bất cứ lúc nào khi có nguyện vọng. Trường hợp xin ra khỏi Hội phải nộp lại thẻ hội viên cho tổ chức của Hội nơi mình tham gia sinh hoạt.

2. Hội viên tập thể.

a) Tham gia sinh hoạt, thảo luận và biểu quyết mọi công việc chung của Hội.

b) Cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

c) Được cấp Giấy chứng nhận "Hội viên tập thể của Hội".

d) Được Hội tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động và được hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Tuân thủ Điều lệ Hội, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Hội. Tích cực hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ được Hội phân công.

2. Thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, phát triển hội viên mới.

3. Đóng hội phí đầy đủ.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 8. Tổ chức của Hội

1. Tổ chức của Hội Tin học Việt Nam gồm.

a) Ở Trung ương: Hội Tin học Việt Nam.

b) Các tổ chức Hội thành viên.

c) Ở cơ sở: Chi hội.

Việc thành lập các tổ chức Hội thành viên theo quy định của Nghị định 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

2. Những nơi chưa đủ điều kiện thành lập các tổ chức thành viên có thể thành lập Chi hội tin học thuộc Hội Tin học Việt Nam.

Điều 9. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc, 5 năm họp một lần. Số lượng đại biểu và tỷ lệ phân bổ đại biểu do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định. Trong trường hợp đặc biệt, Ban Chấp hành Trung ương Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất 2/3 tổng số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội hoặc có ít nhất 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đại biểu toàn quốc:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

b) Định hướng phát triển và phương hướng hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tiếp theo.

c) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

d) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội và số lượng thành viên Ban Kiểm tra Hội. Bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội. Bầu Chủ tịch Hội, Tổng thư ký Hội và Ban Kiểm tra Hội.

e) Quyết định việc gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.

f) Xem xét và thông qua báo cáo tài chính của Hội.

g) Thông qua việc giải thể Hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quyết định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội (trừ trường hợp sửa đổi Điều lệ) phải được sự tán thành của hơn 1/2 số đại biểu có mặt.

Điều 10. Ban Chấp hành Trung ương Hội Tin học Việt Nam

1. Đại hội đại biểu toàn quốc bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Hội (viết tắt là BCH TƯ Hội). BCH TƯ Hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội giữa hai kỳ Đại hội, họp thường lệ mỗi năm hai lần.

2. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội, việc thay đổi, bổ sung ủy viên trong BCH TƯ Hội phải được hơn 2/3 số ủy viên BCH TƯ Hội biểu quyết tán thành. Việc biểu quyết có thể tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau: giơ tay, bỏ phiếu kín, thư, qua mạng Internet v.v. Hình thức cụ thể do Ban Thường vụ quyết định.

3. Số lượng ủy viên BCH TƯ Hội được bổ sung hoặc thay thế nhiều nhất bằng 1/5 số lượng ủy viên BCH TƯ Hội đã được Đại hội ấn định cho mỗi nhiệm kỳ.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương Hội:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc.

b) Lãnh đạo toàn bộ công tác của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

c) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc như: thời gian, địa điểm tổ chức đại hội; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ Đại hội; công tác phục vụ hậu cần cho đại hội.

d) Tổ chức thực hiện các công việc chuẩn bị cho Hội nghị hàng năm của Hội đồng trung ương như: thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ hội nghị; công tác phục vụ hậu cần cho hội nghị v.v.

e) Quyết định Quy chế hoạt động của BCH TƯ Hội.

f) Bầu các chức danh Phó Chủ tịch Hội và Trưởng các Ban Chuyên môn. Quyết định số lượng, thành phần, quy chế hoạt động của Ban Thư ký và các Ban Chuyên môn của BCH TƯ Hội.

g) Quyết định việc thành lập và giải thể các Chi hội.

h) Quyết định việc thành lập, giải thể, các tổ chức như Văn phòng, các cơ sở kinh tế dịch vụ, các cơ sở đào tạo có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc nhiều địa phương trên cơ sở thực hiện chương trình hoạt động của Hội.

Điều 11. Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của BCHTU Hội, có trách nhiệm triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội và của BCHTU Hội giữa hai kỳ họp. Ban Thường vụ gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và Tổng thư ký hội. Mỗi hội viên không tham gia Ban Thường vụ quá hai nhiệm kỳ liên tục.

2. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ Hội Tin học Việt Nam:

a) Thay mặt BCHTU Hội điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp.

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, biên chế tổ chức của Văn phòng Hội và của các tổ chức kinh tế - dịch vụ - đào tạo trực thuộc Hội. Thông qua quyết định bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức vụ chủ chốt của các tổ chức trên và việc gia nhập Hội của các Hội viên tập thể.

c) Điều khiển các cuộc họp của Hội đồng Trung ương.

Điều 12. Hội đồng Trung ương

1. Hội đồng Trung ương là cơ quan tham mưu tư vấn của Hội Tin học Việt Nam.

2. Hội đồng Trung ương bao gồm: BCHTU Hội Tin học Việt Nam, đại diện các Hội Tin học thành viên.

Mỗi Hội Tin học thành viên cử hai lãnh đạo trong Ban Thường vụ tham gia Hội đồng Trung ương.

Hội đồng Trung ương có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của BCHTU Hội. Hội đồng Trung ương họp mỗi năm một lần.

3. Khi một Hội Tin học thành viên mới thành lập, tự nguyện gia nhập Hội Tin học Việt Nam và được chấp nhận thì Hội Tin học thành viên đó đề cử các đại diện của mình tham gia Hội đồng Trung ương. Trong nhiệm kỳ của Hội đồng Trung ương, các Hội Tin học thành viên có quyền thay thế đại diện của mình tại Hội đồng Trung ương (bằng văn bản) và phải được Hội đồng Trung ương chấp thuận.

4. Hội đồng Trung ương có Quy chế hoạt động riêng. Quy chế này phải được các thành viên trong Hội đồng trung ương thông qua trên nguyên tắc đa số tán thành.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Trung ương:

a) Đề xuất phương hướng phối hợp hoạt động giữa Hội Tin học Việt Nam và các Hội Tin học thành viên nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong việc góp phần xây dựng và phát triển CNTT-TT Việt Nam.

b) Đề xuất các biện pháp liên kết, phối hợp hoạt động giữa Hội Tin học Việt Nam và các Hội Tin học thành viên.

c) Thay mặt các Hội Tin học trong cả nước kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước về cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển và ứng dụng CNTT-TT trong cả nước.

d) Phê duyệt việc bổ sung, thay đổi đại diện của các Hội Tin học thành viên trong Hội đồng Trung ương.

Điều 13. Chi hội

1. Đại hội toàn thể của Chi hội 05 năm họp một lần.

2. Đại hội toàn thể hội viên của Chi hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành Chi hội;

b) Quyết định phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Chi hội;

c) Bầu Chi hội trưởng và Chi hội phó;

d) Cử đại biểu đi dự hội nghị cấp trên.

3. Các Chi hội được Hội giúp đỡ để tổ chức các cơ sở hoạt động khoa học và sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực CNTT-TT, tự hạch toán và quản lý các cơ sở này theo quy định của pháp luật, các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Hội. Hội giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của những cơ sở này.

Điều 14. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của BCH TƯ Hội.

3. Ban Kiểm tra có các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thi hành Điều lệ Hội,

Nghị quyết của Đại hội, các chủ trương và các chương trình công tác của Hội.

b) Kiểm tra về những vấn đề do hội viên, các Chi hội, các Hội Tin học thành viên hoặc do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam và các cơ quan chức năng Nhà nước yêu cầu. Kết luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho BCH TƯ Hội, các Hội Tin học thành viên và các Chi hội.

4. Giữa hai kỳ Đại hội, nếu cần thay đổi hoặc bổ sung các thành viên Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kiểm tra phải thông báo cho BCH TƯ Hội và lấy ý kiến của các Hội Tin học thành viên và các Chi hội. Quyết định thay thế hoặc bổ sung phải được từ 2/3 tổng số các Hội Tin học thành viên và các Chi hội trở lên thông qua mới có giá trị.

5. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban Kiểm tra có quyền yêu cầu Ban Chấp hành các cấp và các tổ chức cơ sở của Hội cung cấp mọi thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến những vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra của Ban.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 15. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: tài sản do Nhà nước hỗ trợ, tài sản tự có của Hội, tài sản thuê dài hạn (nếu có). Toàn bộ tài

sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 16. Tài chính của Hội

1. Năm tài chính của Hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc quy định những nguyên tắc cơ bản về hoạt động tài chính của Hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tài chính cho Hội đảm bảo tuân thủ các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 17. Nguồn thu của Hội

1. Hội phí của hội viên (mức thu hội phí của hội viên các Hội Tin học thành viên do các Hội Tin học thành viên quy định, mức thu hội phí của các hội viên tập thể và hội viên các Chi hội trực thuộc do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định).

2. Thu từ các dự án, đề tài do Hội chủ trì.

3. Thu từ các hoạt động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Thu từ các hoạt động liên kết với các tổ chức, đơn vị khác ngoài Hội.

5. Thu từ các hoạt động quảng cáo.

6. Thu từ các tổ chức, cơ sở trực thuộc Hội.

7. Thu từ các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo quy định của Chính phủ.

8. Kinh phí của nhà nước hỗ trợ cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước.

Điều 18. Các khoản chi của Hội

1. Chi hoạt động thường xuyên của Hội.

2. Chi mua sắm tài sản thiết bị.

3. Chi cho các đề tài nghiên cứu (nếu có và được duyệt).

4. Chi cho các hoạt động do Hội chủ trì hoặc tham gia chủ trì.

5. Hỗ trợ cho hoạt động của các Hội Tin học thành viên và các chi hội (nếu điều kiện kinh phí cho phép).

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 19. Khen thưởng

Các tập thể, cá nhân hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu,

ứng dụng CNTT-TT hay công tác Hội sẽ được Hội khen thưởng và có thể được Hội đề nghị các cấp chính quyền khen thưởng. Các công trình nghiên cứu, ứng dụng, các phát minh sáng kiến xuất sắc sẽ được Hội đề nghị lên Hội đồng khen thưởng Nhà nước xác nhận và khen thưởng, được ưu tiên đăng trong các tạp chí của Hội. Hội có các giải thưởng đặc biệt và thường kỳ tặng các tập thể và cá nhân hội viên xuất sắc trong nghiên cứu, ứng dụng, giảng dạy và phổ biến CNTT-TT.

Điều 20. Kỷ luật

1. Hội viên nào vi phạm Nghị quyết và Điều lệ Hội, làm ảnh hưởng danh dự và uy tín của Hội thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị phê bình giáo dục, khiển trách hoặc không công nhận là hội viên.

2. Nếu gây thiệt hại đến tài sản và tài chính của Hội thì phải bồi hoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VII

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Sửa đổi Điều lệ

Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan

duy nhất của Hội Tin học Việt Nam có quyền sửa đổi Điều lệ Hội. Việc sửa đổi Điều lệ phải được 2/3 số đại biểu tán thành và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Giải thể Hội

1. Hội ngừng hoạt động hay giải thể khi có quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Mọi thủ tục giải thể phải tiến hành theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam gồm 8 Chương, 23 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Hội thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2002 và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này./.